Thông tin chung biểu mẫu		Thay đổi thông tin cột C để điền thông tin vào các biểu mẫu
Đơn vị báo cáo		Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý thi hành án dân sự
Lãnh đạo	Họ tên người ký	Trần Công Hướng
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày *11* tháng *11* năm 2025
	Chức danh	TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Người lập biểu	Họ tên người lập biểu	Lê Thị Kim Sinh
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày *11* tháng *11* năm 2025

Lưu ý: Biểu 4 đến biểu 12 có thể thêm dòng nhưng không thêm được cột để đảm bảo cấu trúc của biểu mẫu; Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu. Ô gạch chéolà không thực hiện thống kê

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

01 tháng năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48						
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	**117,552,129**	**100,517,189**	**17,034,940**	**700**	**-**	**117,551,429**	**61,472,988**	**2,478,681**	**2,423,990**	**54,691**	**-**	**58,994,307**	**-**	**55,207,941**	**870,500**	**-**	**-**	**115,072,748**	**4.03%**
I	**Phòng Nghiệp vụ**	**73,656,691**	**64,094,586**	**9,562,105**	**-**	**-**	**73,656,691**	**31,127,090**	**2,041,997**	**1,987,306**	**54,691**	**-**	**29,085,093**	**-**	**42,529,601**	**-**	**-**	**-**	**71,614,694**	**6.56%**
1	CHV Trần Công Hướng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	CHV Phạm Văn Hiền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	CHV Nguyễn Văn Phòng	7,428,057	7,428,057	-	-	-	7,428,057	7,403,057	942,009	942,009	-	-	6,461,048	-	25,000	-	-	-	6,486,048	12.72%
4	CHV Hà Thị Thu Hiền	16,749,680	13,522,418	3,227,262	-	-	16,749,680	15,138,649	203,917	203,917	-	-	14,934,732	-	1,611,031	-	-	-	16,545,763	1.35%
5	CHV Nguyễn Khuông Thương	8,874,384	2,549,741	6,324,643	-	-	8,874,384	8,538,384	884,871	830,180	54,691	-	7,653,513	-	336,000	-	-	-	7,989,513	10.36%
6	Chấp hành viên Đỗ Quốc Khánh	40,604,570	40,594,370	10,200	-	-	40,604,570	47,000	11,200	11,200	-	-	35,800	-	40,557,570	-	-	-	40,593,370	23.83%
II	**Các Khu vực**	**43,895,438**	**36,422,603**	**7,472,835**	**700**	**-**	**43,894,738**	**30,345,898**	**436,684**	**436,684**	**-**	**-**	**29,909,214**	**-**	**12,678,340**	**870,500**	**-**	**-**	**43,458,054**	**1.44%**
1	**Phòng THADS khu vực 1**	**21,115,352**	**20,406,437**	**708,915**	**-**	**-**	**21,115,352**	**13,580,355**	**228,444**	**228,444**	**-**	**-**	**13,351,911**	**-**	**6,664,497**	**870,500**	**-**	**-**	**20,886,908**	**1.68%**
1.1	CHV Trần Văn Dũng	500,500	470,095	30,405			500,500	237,399	4,684	4,684	-	-	232,715		263,101	-			495,816	1.97%
1.2	CHV Bùi Ngọc Linh	13,132,752	12,649,339	483,413			13,132,752	9,270,513	90,813	90,813		-	9,179,700		3,862,239				13,041,939	0.98%
1.3	CHV Bùi Quốc Tuân	7,482,100	7,287,003	195,097			7,482,100	4,072,443	132,947	132,947		-	3,939,496		2,539,157	870,500			7,349,153	3.26%
2	**Phòng THADS khu vực 2**	**15,661,085**	**10,635,435**	**5,025,650**	**700**	**-**	**15,660,385**	**13,372,995**	**79,975**	**79,975**	**-**	**-**	**13,293,020**	**-**	**2,287,390**	**-**	**-**	**-**	**15,580,410**	**0.60%**
2.1	CHV Nguyễn Văn Tuấn	6,829,984	2,115,232	4,714,752	700	-	6,829,284	6,371,284	7,555	7,555	-	-	6,363,729	-	458,000	-	-	-	6,821,729	0.12%
2.2	CHV Lý Ngọc Hiếu	3,146,145	3,106,305	39,840	-	-	3,146,145	1,466,211	29,570	29,570	-	-	1,436,641	-	1,679,934	-	-	-	3,116,575	2.02%
2.3	CHV Đỗ Khắc Tùng	5,684,956	5,413,898	271,058	-	-	5,684,956	5,535,500	42,850	42,850	-	-	5,492,650	-	149,456	-	-	-	5,642,106	0.77%
3	**Phòng THADS khu vực 3**	**3,899,651**	**2,281,277**	**1,618,374**	**-**	**-**	**3,899,651**	**2,321,237**	**33,065**	**33,065**	**-**	**-**	**2,288,172**	**-**	**1,578,414**	**-**	**-**	**-**	**3,866,586**	**1.42%**
3.1	CHV Trần Văn Tùng	1,658,472	853,299	805,173			1,658,472	1,491,672	22,015	22,015			1,469,657		166,800				1,636,457	1.48%

3.2	CHV Phan Đình Lâm	1,582,514	1,424,614	157,900			1,582,514	170,900	4,100	4,100			166,800		1,411,614				1,578,414	2.40%
3.3	CHV Lê Bá Linh	658,665	3,364	655,301			658,665	658,665	6,950	6,950			651,715						651,715	1.06%
4	**Cục THADS**	**3,219,350**	**3,099,454**	**119,896**	**-**	**-**	**3,219,350**	**1,071,311**	**95,200**	**95,200**	**-**	**-**	**976,111**	**-**	**2,148,039**	**-**	**-**	**-**	**3,124,150**	**8.89%**
4.1	CHV Đèo Văn Minh	1,512,655	1,504,955	7,700			1,512,655	143,450	3,000	3,000			140,450		1,369,205				1,509,655	2.09%
4.2	CHV Chu Gó Xè	104,642	92,842	11,800			104,642	51,750	14,500	14,500			37,250		52,892				90,142	28.02%
4.3	CHV Nguyễn Nam Cường	1,602,053	1,501,657	100,396			1,602,053	876,111	77,700	77,700			798,411		725,942				1,524,353	8.87%

Lai Châu, Ngày 11 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 11 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. LAI CHÂU

Trần Công Hướng